

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **219/2023/DS-PT**

Ngày: 11-7-2023.

“V/v: *Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết

Ông Trương Công Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê - Chức vụ: Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2023/TLPT-DS ngày 17/5/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 147/2023/QĐ-PT ngày 09/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2023/QĐ-PT ngày 28/6/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn T, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn 22, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn M, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường K, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông M:

- Bà Trần Thị T1, sinh năm 1958, địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường K, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Ông Hoàng Hoàn C, sinh năm 1980, địa chỉ: Số 24 đường C, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trần Thị T1, sinh năm 1958, địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường K, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Đ, địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường A, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

+ Ông Đỗ Đình T2, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phạm Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Văn T trình bày có nội dung: Ngày 29/9/2022, ông có thỏa thuận mua bán sầu riêng với vợ chồng ông M và bà T1, và giữa ông với ông M đã ký hợp đồng mua bán sầu riêng. Nội dung hợp đồng thể hiện ông mua vườn sầu riêng của gia đình ông M tại tổ dân phố 3, phường K, ước lượng khoảng 40 tấn, giá 75.000 đồng/kg, thời gian cắt sầu riêng từ ngày 01/10/2022 đến ngày 15/10/2022, trái bị sâu nước, nấm thối sẽ tính vào hàng kém có giá thấp, trái bị sâu kim, sâu khô cắt, tính giá 37.500 đồng/1kg. Khi cắt sầu riêng xong sẽ cân lên tính tiền trả cho gia đình ông M rồi mới chuyển sầu riêng đi, khi ký hợp đồng, ông đặt cọc cho gia đình ông M số tiền 300.000.000 đồng, bằng cách nhờ ông Đỗ Đình T2 chuyển tiền vào tài khoản bà T1 (là vợ ông M), lý do ông nhờ ông T2 chuyển tiền cho bà T1 là vì giữa ông và ông T2 cùng góp vốn làm ăn chung. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông đã cắt 1 lần được hơn 5 tấn sầu riêng và đã trả đủ số tiền của hơn 5 tấn sầu riêng đã cắt cho vợ chồng ông M bà T1; đến ngày 12/10/2022 ông đưa 2 xe tải đến cắt sầu riêng vì trước đó đã nhận với bạn hàng là cung cấp 12 tấn hàng đóng (Hàng đẹp) khi ông đang tiến hành cắt sầu riêng thì gia đình bà T1 ngăn cản không cho cắt tiếp và yêu cầu tiếp tục đặt cọc thêm số tiền 200.000.000 đồng với lý do ông chỉ cắt hàng đẹp, nên ông buộc phải về, không tiếp tục cắt sầu riêng mặc dù thời hạn 15 ngày chưa hết.

Việc thỏa thuận cắt 2 dao không có trong hợp đồng, mà giữa hai bên đã thỏa thuận trong vòng 15 ngày từ ngày 01/10/2022 đến ngày 15/10/2022 thì bên mua sẽ trả vườn cho bên bán. Xét thấy việc làm của gia đình ông M là vi phạm hợp đồng. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu ông M trả lại 300.000.000 đồng tiền đặt cọc và tiền phạt cọc số tiền là 300.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu ông M phải trả cho ông là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bị đơn ông M, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T1 trình bày có nội dung: Bà thừa nhận chồng bà là ông M có ký hợp đồng mua bán sầu riêng với ông T, ông T có nhờ ông T2 chuyển tiền đặt cọc vào tài khoản của bà số tiền là 300.000.000 đồng. Nội dung hợp đồng thể hiện ông T mua trái sầu riêng tại vườn của gia đình vợ chồng bà, địa chỉ tổ dân phố 3, phường K, ước lượng khoảng 40 tấn, giá 75.000 đồng/kg thời gian cắt sầu riêng từ ngày 01/10/2022 đến ngày 15/10/2022. Khi cắt sầu riêng xong sẽ cân lên tính tiền trả cho vợ chồng bà rồi mới vận chuyển sầu riêng đi. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã cho người đến cắt 1 lần được hơn 5 tấn và đã trả đủ tiền, số sầu riêng còn lại gia đình bà nhiều lần gọi điện nhưng ông T không đến cắt, đến ngày 12/10/2022 ông T đến cắt sầu riêng tại vườn nhà vợ chồng bà, nhưng cắt lướt, cắt nhảy, cắt trái đẹp, còn trái xấu, trái chín để lại nên bà không đồng ý và có yêu cầu ông T đặt cọc thêm 200.000.000 đồng. Ông T không đồng ý đặt cọc thêm và bỏ về làm cho gia

đình bà bán số hàng sầu riêng trái còn lại với giá chỉ 55.000 đồng/1kg, mặt khác ngày 12/10/2022 ông T cắt 1,3 tấn sầu riêng hàng đóng nhưng bỏ lại đến ngày 13/10/2022 ông Đ chở đi bán chỉ được giá 51.000 đồng/1kg, xét thấy việc làm của ông T là vi phạm hợp đồng mua bán sầu riêng, vì vậy bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T. Không đồng ý trả lại số tiền 300.000.000 đồng tiền cọc và 300.000.000 đồng tiền phạt cọc.

Đối với đoạn ghi âm bà trích ra trên giấy ô ly, ghi bằng mực xanh đúng là nội dung ông T2 trao đổi với ông Đ nhưng các bên không thỏa thuận được để giải quyết sự việc nên ông T mới khởi kiện. Bà không yêu cầu giám định giọng nói trong đoạn ghi âm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Văn M là ông Hoàng Hoàn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông là con rể của bà T1 và ông M, ông đồng ý lời trình bày của bà T1, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Đình T2 trình bày: Ông và ông T là những người làm ăn chung, ông có góp tiền với ông T để mua bán sầu riêng, trong đó có việc mua sầu riêng tại vườn nhà ông M, việc đoạn ghi âm bà T1 trích ra trên giấy ô ly, ghi bằng mực xanh đúng là nội dung ông trao đổi với ông Đ nhưng các bên không thỏa thuận được để giải quyết sự việc nên ông T mới khởi kiện. Ông không yêu cầu giám định giọng nói trong đoạn ghi âm và đồng ý việc khởi kiện của ông T.

Lý do ngày 12/10/2022, phía ông chỉ cắt lựa hàng đẹp là do đã ký hợp đồng xuất khẩu bán cho bên thứ 3 ở Trung Quốc 15 tấn sầu riêng loại đẹp; do đó, việc ông M không cho cắt sầu riêng ngày này dẫn đến hợp đồng của ông với bên thứ 3 không thực hiện được và ông đã bị thiệt hại do vi phạm hợp đồng. Đến ngày 13/10/2022, phía gia đình ông M có liên lạc cho ông để giảm giá và yêu cầu tiếp tục cắt sầu riêng. Tuy nhiên, do ngày 12/10/2022, ông đã bị bên thứ 3 hủy hợp đồng nên ông không đồng ý tiếp tục cắt sầu riêng nhà ông M.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 117; Điều 119; Điều 328 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn T.

Buộc ông Phạm Văn M phải trả lại cho ông Trương Văn T số tiền đặt cọc đã nhận là 300.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 300.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Phạm Văn M phải trả cho ông Trương Văn T là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Phạm Văn M có đơn Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá và cho rằng kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo bị đơn ông Phạm Văn M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn M làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn M thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất, ngày 29/9/2022, ông Trương Văn T và ông Phạm Văn M, có lập hợp đồng mua bán sầu riêng, theo đó ông T đặt cọc cho ông M số tiền 300.000.000 đồng để các bên thỏa thuận việc mua bán sầu riêng tại vườn sầu riêng của gia đình ông M, ước lượng khoảng 40 tấn, giá 75.000 đồng/kg thời hạn cắt sầu riêng là 15 ngày kể từ ngày 01/10/2022 đến ngày 15/10/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã cắt 01 lần 05 tấn sầu riêng và thanh toán đầy đủ số tiền sầu riêng trên. Đến ngày 12/10/2022, ông T tiếp tục đến cắt sầu riêng tại vườn nhà ông M, khi đang cắt thì gia đình ông M cho rằng ông T cắt lứt, cắt nhầy, cắt trái đẹp, còn trái xấu, trái chín để lại nên không đồng ý và ông T không cắt nữa bỏ về và yêu cầu bị đơn ông M phải trả lại số tiền cọc 300.000.000 đồng và phạt cọc thêm số tiền 300.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích, đánh giá nội dung và hình thức của hợp đồng mua bán sầu riêng trong đó có nội dung đặt cọc để thực hiện hợp đồng và tuyên buộc bị đơn ông Phạm Văn M phải trả lại cho ông Trương Văn T số tiền đặt cọc đã nhận là

300.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, nội dung kháng cáo của ông M về việc không chấp nhận trả lại tiền cọc là không có căn cứ.

[3] Về yêu cầu phạt cọc, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong hợp đồng, mặc dù các bên không thỏa thuận số lần cắt, nhưng nguyên đơn ông T đã thừa nhận ngày 12/10/2022 có tiến hành việc cắt lựa những quả đẹp, đối với những quả sầu riêng chín không cắt. Điều này không phù hợp với quy luật sinh trưởng bình thường của quả sầu riêng, ảnh hưởng đến chất lượng và giá thành của quả sầu riêng sau khi thu hoạch, chẳng hạn đối với những quả chín không được cắt sớm sẽ bị hư hỏng và mất giá trị. Ngoài ra, đối với số quả sầu riêng nguyên đơn ông T đã cắt trong ngày 12/10/2022 cũng không được mua theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nội dung của hợp đồng, do đó nguyên đơn cũng có một phần lỗi dẫn đến hợp đồng không được tiếp tục thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn ông M không cho nguyên đơn ông T tiến hành cắt khi thời hạn hợp đồng vẫn còn nên cũng có lỗi dẫn đến hợp đồng không thực hiện được. Tòa án cấp sơ thẩm xác định lỗi chỉ thuộc về bị đơn ông M là chưa chính xác. Do các bên đều có lỗi dẫn đến hợp đồng không thể tiếp tục được thực hiện, nên yêu cầu của nguyên đơn ông T về số tiền phạt cọc 300.000.000 đồng là không có cơ sở, cần sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về nội dung này là phù hợp.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, một phần nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn M có căn cứ chấp nhận nên sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí được sửa lại như sau: Bị đơn ông Phạm Văn M phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Trương Văn T phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 14.000.000 đồng mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0018235 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đắk Lắk. Ông T còn phải nộp 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Phạm Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm hoàn trả cho ông M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo bị đơn ông Phạm Văn M. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

2. Áp dụng Điều 117; Điều 119; Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn T.

Buộc ông Phạm Văn M phải trả lại cho ông Trương Văn T số tiền đặt cọc đã nhận là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T yêu cầu ông Phạm Văn M phải trả lại cho ông Trương Văn T tiền phạt cọc là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trương Văn T phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 14.000.000 đồng mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0018235 ngày 18/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đắk Lắk. Ông T còn phải nộp 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Phạm Văn M phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Phạm Văn M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H theo biên lai số 0018554 ngày 26/4/2023.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng